

CÁCH XUNG HÔ BẰNG BIỂU THỨC MIÊU TẢ TRONG TIẾNG VIỆT

VŨ THỊ SAO CHI*

Abstract: This paper explores Vietnamese vocative descriptive expressions in terms of their physical characteristics, their semantic contents and their contexts of use. It highlights that these expressions are special forms of address, making a contribution to the already rich and complex picture of vocatives in Vietnamese communication.

A vocative descriptive expression may be a word or a phrase, but it can only be a noun or a noun phrase. In terms of meaning, it has the feature reflecting or describing a certain characteristic of the addressor or addressee. Therefore, in addition to the naming function, indicating the object of address, a vocative descriptive expression "sketches" the image of the addressee as perceived by the addressor. Vocative descriptive expressions are provisional expressions, tied to specific communicative situations and are often used in such informal situations as josh, humor, curse, or in communication between two complete strangers. Vocative descriptive expressions are a communication strategy in which the speaker reveals his point of view, his angle of evaluation, and his attitude towards himself and the interlocutor. At the same time the use of descriptive expressions of vocative impresses and attracts the listener's attention to achieve the communicative goal and effect as desired.

Key words: *vocative, descriptive expressions of vocative.*

1. Mở đầu

Văn hóa ứng xử của người Việt là khi nói năng phải "có thưa có gửi", không nói trống không. Vì thế, trong mỗi cuộc giao tiếp, thường không thể thiếu xưng hô. Xưng hô là một trong những nghi thức giao tiếp quan trọng. Theo *Từ điển tiếng Việt*, xưng hô (hay xưng gọi) được hiểu là "tự xưng mình và gọi người khác là gì đó khi nói với nhau để biểu thị tính chất của mối quan hệ với nhau" [10, 1487]. Trong một nghiên cứu đối chiếu về từ xưng hô tiếng Việt và tiếng Nùng, Phạm Ngọc Thương đã giải thích khái niệm xưng hô từ góc độ ngôn ngữ học: "Xưng hô là hành động ngôn ngữ của các nhân vật hội thoại - người nói và người nghe. Nhân vật hội thoại sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách thường xuyên, liên tục để đưa mình vào trong lời nói (hành động xưng - ngôi 1) và đưa người đối thoại vào trong lời nói (hành động hô - ngôi 2)" [7, 15].

Xưng hô được hiện thực hoá qua việc lựa chọn phương tiện ngôn ngữ dùng để xưng hô, còn gọi là cách xưng hô (hay kiểu xưng hô). Cách xưng hô trong tiếng Việt rất phong phú và phức tạp. Nhiều tác giả, như Nguyễn Văn Chiến (1992) [4],

* TS, Viện Ngôn ngữ học.

Phạm Ngọc Thường (1998) [7], Phạm Văn Tinh (1999) [8], Bùi Minh Yên (2001) [1], Trương Thị Diễm (2002) [9], Lê Thanh Kim (2002) [3], Phạm Ngọc Hàm (2004) [6], Lã Thị Thanh Mai (2014) [2],... đã góp phần phác họa bức tranh tổng quát về cách xưng hô trong tiếng Việt (và có thể được đối chiếu với ngôn ngữ khác). Nguyễn Văn Khang [5] đã tổng kết trong giao tiếp có 13 kiểu (cách) xưng hô, đó là:

A. Xưng hô bằng họ và tên, gồm: (1) Xưng hô bằng tên; (2) Xưng hô bằng họ; (3) Xưng hô bằng tên đệm + tên; (4) Xưng hô bằng họ + tên; (5) Xưng hô bằng họ + tên đệm + tên.

B. Xưng hô bằng tất cả các từ dùng để xưng hô, gồm: (6) Các đại từ nhân xưng; (7) Các từ thân tộc dùng làm từ xưng hô; (8) Các từ khác được dùng làm từ xưng hô.

C. Xưng hô bằng các chức danh, gồm: (9) Gọi bằng một trong các chức danh; (10) Gọi bằng nhiều hoặc tất cả các chức danh.

D. Xưng hô bằng tên của người thân thuộc, gồm: (11) Gọi tên của người thân thuộc như tên của chồng, vợ, con (cách gọi thay vai).

E. Xưng hô bằng sự kết hợp (1), (2), (3), (4), gồm: (12) Gọi bằng các kết hợp khác nhau (thí dụ: chức danh + tên; chức danh + họ tên; từ xưng hô + tên/ họ tên).

F. Xưng hô bằng sự khuyết vắng từ xưng hô, gồm: (13) Không xuất hiện từ xưng hô trong giao tiếp (khuyết vắng từ xưng hô) [5, 362].

Lã Thị Thanh Mai trong [2, 51-53] còn chỉ ra thêm một số cách xưng hô như: xưng hô bằng đại từ chỉ định; xưng hô bằng một số danh từ chung (*đồng chí, quý vị*); xưng hô bằng biệt danh; xưng hô bằng địa danh nơi cư trú...

Nhìn chung, người Việt có thể lựa chọn, sử dụng những cách xưng hô nói trên vào từng bối cảnh giao tiếp cụ thể, sao cho phù hợp với tư cách vai, trạng thái tâm lí, mục đích giao tiếp,...

Ngoài những cách xưng hô đã được các công trình đi trước bàn đến, chúng tôi thấy rằng, trong tiếng Việt, còn có một cách xưng hô hết sức đặc biệt, đó là xưng hô bằng biểu thức miêu tả. Thí dụ:

(1) Chủ quán (nói với một khách quen): - *A, chào người đẹp! Người đẹp uống gì? Cà phê hay trà, để anh phục vụ?*

(Hội thoại)

(2) - *Sống như anh Đen thật là bậc chí thánh, kẻ tâm thường này đâu dám thất lễ.*

Hai gã Lang thay nhau thi lễ, gã nào cũng tranh ngôi vị trí thấp hơn, rất là kiểu cách.

(Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

Trong giao tiếp, việc sử dụng biểu thức miêu tả để xưng (như *kẻ tâm thường* trong thí dụ (2)) hay để hô (như *người đẹp* trong thí dụ (1)) là hết sức phổ biến. Bài viết này tìm hiểu về cách xưng hô bằng biểu thức miêu tả trong tiếng Việt trên các phương diện: đặc điểm cấu tạo, nội dung ngữ nghĩa và tình huống sử dụng, từ đó chỉ ra một cách xưng hô đặc biệt, góp phần bổ sung vào bức tranh về xưng hô vốn đã rất phong phú, phức tạp trong giao tiếp của người Việt.

2. Đặc điểm cấu tạo của biểu thức miêu tả để xưng hô

2.1. Về mặt hình thái, biểu thức miêu tả được dùng để xưng hô có thể có cấu tạo là từ hoặc cụm từ. Thí dụ:

- Biểu thức miêu tả để xưng hô là từ:

(3) *Béo ơi, lên thư viện không?*

(Hội thoại)

(4) *Ê bọm! Đi đâu đấy?*

(Hội thoại)

- Biểu thức miêu tả để xưng hô là cụm từ:

(5) *Á à! Để bố mày dạy cho cái thằng oắt con miệng còn hôi sữa mẹ này một bài học.*

(Hội thoại)

(6) *Anh Bường mỉm cười khuyến khích: "Thế nào? Tiến lên đi chứ, công tử bột! Hãy mang chiến thắng về nộp dưới chân nàng Duynxinê ở làng Tôbôđô!"*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Những người thợ xé*)

Trong phạm vi ngữ liệu của chúng tôi, không thấy xuất hiện biểu thức miêu tả để xưng hô có cấu tạo là câu hoặc trên câu. Điều này là do câu có chức năng thông báo, còn từ hoặc cụm từ/ ngữ có chức năng định danh nên mới dùng để xưng hô với tư cách là tên gọi lâm thời được. Có thể có những trường hợp khiến chúng ta lầm tưởng biểu thức miêu tả là câu được dùng để xưng gọi lâm thời, song thực ra chúng là những danh ngữ. Thí dụ:

(7) *Xin lỗi, người ngồi phía bên ngoài nhích ra một chút cho tôi ngồi ghé với!*

(Hội thoại)

(8) *Hỡi cô con gái hái dâu,*

Xin đừng bầm ngọn mà lâu mọc chồi!

(Ca dao)

Biểu thức miêu tả để hô gọi người ngồi phía bên ngoài trong thí dụ (7) và cô con gái hái dâu trong thí dụ (8) đều là danh ngữ, trong đó có động từ/ cụm động từ (*ngồi phía bên ngoài, hái dâu*) làm định ngữ cho danh từ/ cụm danh từ trung tâm (*người, cô con gái*).

2.2. Về mặt từ loại, biểu thức miêu tả được dùng để xưng hô chỉ có thể là danh từ/ cụm danh từ, chẳng hạn: *cô áo đỏ, tóc dài, công tử bột, quân thổ tả, đồ khổ rách, thằng oắt con, kẻ tâm thường,...* Thí dụ:

(9) *Tóc dài ơi, cho anh đi cùng nhé!*

(Hội thoại)

(10) *Cô Diệu có đôi mắt nhỏ và hai cánh mũi mỏng dính phập phồng. Tính cô hay đùa, hay cười. Cô hay gọi Cún là "thằng hình nhân mặt đẹp":*

- Này thằng hình nhân mặt đẹp! Cho mày một hào, sáng mai mày đón cửa cho tao...

(Nguyễn Huy Thiệp, *Cún*)

Ngữ liệu của chúng tôi cho thấy, có rất nhiều trường hợp biểu thức miêu tả đề xưng hô tương chừng như là tính từ/ cụm tính từ như: *béo, nhỏ, ranh con, khom già...* hay là động từ/ cụm động từ như: *đốp, (dặt) dẹo, xoắn, quấy, phai gió...*, song kì thực chúng đều vốn là danh từ/ cụm danh từ, hoặc đã được chuyển loại thành danh từ hay danh ngữ.

Chẳng hạn, trường hợp vốn là danh từ (thí dụ: *ranh* - "hồn người chết là trẻ con") chuyển loại thành tính từ khiến tương dùng tính từ đề xưng hô:

(11) *Ranh con, xéo khỏi đây ngay!*

(Hội thoại)

Từ điển tiếng Việt đã giải thích từ *ranh* như sau: "**Ranh**: I.d. x. *con ranh*. II.tt. Nhỏ, bé, chẳng được việc gì. *Bọn trẻ ranh. Ba tuổi ranh.* 2 (kng) Khôn một cách tinh quái. *Con bé ấy ranh lắm.*" [10, 1052].

Hay trường hợp tính từ/ cụm tính từ chuyển loại thành danh từ/ cụm danh từ đề xưng hô:

(12) *É nhỏ, lại đây.*

(Hội thoại)

Từ điển tiếng Việt đã giải thích từ *nhỏ* như sau: "**Nhỏ**: I.tt. 1. Có kích thước, số lượng, phạm vi, quy mô hoặc giá trị, ý nghĩa không đáng kể, hay kém hơn so với số lớn những cái khác cùng loại; trái với *lớn, to*. *Ngôi nhà nhỏ. Mưa nhỏ hạt. Sản xuất nhỏ. Khuyết điểm nhỏ.* (...). 3. Còn ít tuổi, chưa trưởng thành. *Thường nhỏ. Tuổi nhỏ làm việc nhỏ...* II. d. Đầy tớ còn nhỏ tuổi (thường là con trai). *Nuôi một thằng nhỏ.*" [10, 928].

Trường hợp biểu thức miêu tả là động từ/ cụm động từ chuyển loại thành danh từ/ cụm danh từ đề xưng hô, như: *đốp, (dặt) dẹo, xoắn, quấy, phai gió...* Thí dụ:

(13) *Chị lay đầu chồng, khẽ gọi:*

- *Phai gió! Dậy đi!... sáng rồi.*

(Nam Cao, *Con mèo*)

(14) *É, dẹo! Lượn đi chỗ khác cho nước nó trong nhé! Cút lượn lờ, nóng mắt ông thì liệu thần hồn!*

(Hội thoại)

Sở dĩ biểu thức miêu tả đề xưng hô chỉ có thể là danh từ/ cụm danh từ là do khi định danh hay đặt tên gọi lâm thời cho đối tượng đề xưng gọi thì phải sử dụng danh từ hoặc cụm danh từ (danh ngữ). Theo định nghĩa của các từ loại thì chỉ từ loại *danh từ* mới có thể là "Từ chuyên biểu thị ý nghĩa sự vật, đối tượng, thường làm chủ ngữ trong câu" [10, 319].

3. Đặc điểm nội dung ngữ nghĩa của biểu thức miêu tả đề xưng hô

Về nội dung ngữ nghĩa, các biểu thức miêu tả đề xưng hô đều có điểm chung là *phản ánh hay mô tả một đặc điểm nào đó ở đối tượng xưng hoặc hô*. Song, đặc điểm nào được chọn để miêu tả và được coi là yếu tố đại diện để định danh đối tượng xưng hoặc hô thì còn tùy thuộc vào từng tình huống giao tiếp cụ thể và sự đánh giá chủ quan của người nói. Chẳng hạn, trong thí dụ (10), nhân vật Cún -

một thằng bé dị dạng sống lay lắt ở xó chợ, được Diệu gọi là *thằng hình nhân mặt đẹp*, nhưng trong một tình huống khác, khi phát hiện Cún được ông lão ăn mày sống cùng để lại cho mấy chiếc nhẫn vàng thì cô Diệu đã gọi cậu ta là *thằng chó con giàu có*:

(15) *Cô Diệu hôn hén:*

- Vào đây... vào đây... *thằng chó con giàu có*...

(Nguyễn Huy Thiệp, *Cún*)

Nhìn chung, đặc điểm được chọn miêu tả trong biểu thức miêu tả để xưng hô rất phong phú, đa dạng: có thể là miêu tả dáng vẻ, trang phục bề ngoài; có thể là nêu tính cách, tâm hồn bên trong; cũng có thể là nêu cử chỉ, hành động, vị trí, tư thế, số phận, cuộc đời, vị thế/ vai trò, giá trị... miễn là đặc điểm ấy giúp chỉ xuất ra đối tượng để người nghe nhận diện được.

a) Biểu thức miêu tả ngoại hình, trang phục

* Miêu tả ngoại hình, như: *béo, trâu trương, còm, nhỏ, choắt, oắt con, thọt, trố, lè, lùn, đen, đẹp, da trắng, tóc dài*... Thí dụ:

(16) *Lão Đóm còn đang tập tễnh, tên Chột đã lò dò đến khiêu chiến. Hắn gọi toáng từ ngoài ngõ:*

- *Lão thọt chết chưa để đây sang đưa ma.*

(Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

(17) *Ngày nào cũng vậy, lão thường dậy rất sớm, quát lác om sòm mấy bà vợ già chỉ biết ních cho đầy điều đến nỗi béo phát trương phát phì:*

- *Còn nằm ườn ra đây à, hà mấy mụ béo. Đừng để ông nóng tiết.*

(Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

(18) *Hỡi chàng da trắng tóc dài,*

Em đã chờ đợi một hai năm trời...

(Ca dao)

* Miêu tả trang phục, vật sở hữu như: *áo, quần, mũ, quạt, ví, xe,...* Thí dụ:

(19) *Hỡi anh nón chóp quai dẫu,*

Tay cầm cái quạt đi đâu bây giờ?...

(Ca dao)

(20) *Xe Spacy ơi! Lùi lại một tí cho đi qua cái!*

(Hội thoại)

b) Biểu thức miêu tả tuổi tác, giới tính như: *ranh con, thanh niên, khom già, chàng trai, cô á, con mụ,...* Thí dụ:

(21) *Thanh niên này bị làm sao mà phải nằm viện?*

(Hội thoại)

(22) *Chàng trai trẻ ơi, làm ơn cho bác hỏi đường ra Bờ Hồ với?*

(Hội thoại)

(23) *Không thèm chào hỏi ai, tên Chột hách dịch:*

- *Lão thọt khom già có nhà hay không?*

(Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

c) Biểu thức miêu tả tính cách, tâm hồn: *đần, dờ, ngố, tồ, ngốc, khùng, kỉnh* (lười nhác), *cáo già* (khôn ngoan, xảo quyệt), *sư tử Hà Đông* (ghen tuông, ghê gớm), *khí gió* (ngịch ngợm),... Thí dụ:

(24) *Cái thằng khùng này, mới sáng ra đã gây sự.*

(Hội thoại)

(25) *Cái đồ khí gió này, nỡm nó vừa vừa thối.*

(Hội thoại)

(26) - *Mẹ để đấy mai con làm cho.*

- *Thôi đi ông kỉnh! Mai dài đến thuồng! Tôi làm rón chứ chờ ông khệnh khạng đến mai thì có mà đồ thóc giống ra mà ăn.*

(Hội thoại)

d) Biểu thức miêu tả hành động, trạng thái, vị trí: *đốp, dẹo, xoắn, quấy, phải gió, ăn tàn phá hại, ngồi bàn trên, đi sau, đi trước, ở bên trong, ở bên ngoài, đứng bên sông*,... Thí dụ:

(27) *Giời đất ơi! Lũ ăn tàn phá hại này, chén sạch cả cây vải của tao rồi! Thế là mất toi cả yến gạo!*

(Hội thoại)

(28) *Hỡi cô cắt cỏ một mình,*

Cho anh cắt với chung tình làm đôi...

(Ca dao)

(29) - *Thưa thầy, sáng mai mấy giờ có mặt ở phòng thi ạ?*

- *Sao? Mài chuyện không nghe thấy tôi đã dặn gì à? Mời người ngồi bên cạnh bạn đứng lên nhắc lại là tôi đã dặn những gì nào!*

(Hội thoại)

(30) *Hỡi người đứng ở bên sông,*

Càng nhìn càng đẹp, càng trông càng giòn...

(Ca dao)

e) Biểu thức miêu tả nêu số phận, cuộc đời, giá trị, vị thế, tầm ảnh hưởng...

* Biểu thức miêu tả nêu số phận, cuộc đời: *khố rách áo ôm* (nghèo), *kiết xác* (nghèo), *nứt đố đố vách* (giàu), *đĩ, ca-ve*,... Thí dụ:

(31) *Nhưng gã Lang Đen chọt rừng mình. Gã hình dung ngay đến trận lồi đình của lão Đóm. Cổ lão sẽ rướn cao, hai mắt vằn đỏ, gằm lên:*

- *Nghĩa là mày ăn cắp của tao, hà thằng bạ cư khố rách?*

(Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

(32) *Người lái xe xách bị đi sau. Anh ta bỗng như nhớ ra chuyện gì bèn gọi:*

- *Này... này, đồ đĩ!*

Người đàn bà quay lại, nét mặt lo lắng, chờ đợi.

(Nguyễn Huy Thiệp, *Đời thế mà vui*)

* Biểu thức miêu tả nêu giá trị, vị thế, tầm ảnh hưởng...

(33) *Võ sư cất tiếng:*

- Mi đến tìm ta với chủ ý gì?

- *Thưa đại võ sư cao cường nhất đẳng, con muốn được ngài truyền thụ cho vài phép thuật để ra tay cứu đời.*

- Đời làm sao mà phải cứu?

- *Thưa đại võ sư nhất đẳng tôn kính! Ngài lánh cõi tục từ lâu nên không biết đời nay nó vô phép tắc đến nhường nào. (...)*

(Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

(34) *Lão Trương Cò báy giờ mới giờ vốn chữ học mót được để tạ ơn gã hiệp sĩ:*

- *Thưa ngài hiệp sĩ mà danh thơm còn lưu lại đời đời! Chúng tôi không biết làm gì để đền đáp một phần công đức trời biển của Ngài. (...)*

(Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

Từ phương diện đặc điểm nội dung ý nghĩa, chúng tôi thấy rằng cần phân biệt biểu thức miêu tả để xưng hô với biệt danh.

Biệt danh là tên gọi đặc biệt, khác với tên khai sinh. Từ điển tiếng Việt giải thích *biệt danh* như sau: "d.(id). Tên riêng khác với tên vốn có" [10, 97]. Biệt danh có thể được dùng riêng hoặc dùng kèm với tên khai sinh để "biệt hóa" đối tượng được gọi tên, chẳng hạn: *Xuân tóc đỏ* (biệt danh của nhân vật Xuân trong *Số đỏ* - Vũ Trọng Phụng); *Thiên lôi* (biệt danh của Lê Văn Rự, nhân vật trong *Nửa đêm* - Nam Cao); *Hòa đen, Tư dát, Quỳnh sơn ca, Châu sém, Bông da rắn* (các nhân vật trong *Tuổi thơ dữ dội* - Phùng Quán)... Biệt danh gắn liền với đặc điểm riêng đã ổn định và trở thành đặc điểm cố hữu, nổi bật của đối tượng (*tóc đỏ, Thiên lôi* (nóng nảy), *đen, dát* (nhát), *sém* (tóc cháy sém vì dãi nắng), *da rắn*,...).

Mặc dù cũng có chức năng định danh, chỉ xuất đối tượng bằng cách mô tả một đặc điểm nào đó ở đối tượng xưng hoặc hô, tuy nhiên, biểu thức miêu tả để xưng hô rất khác với biệt danh ở chỗ: Biệt danh được đặt dựa trên đặc điểm riêng cá biệt, đặc hữu, cố định của đối tượng và được mọi người xưng quanh thấy rõ, công nhận. Cho nên, biệt danh có thể được dùng thường xuyên và ổn định với tư cách như là *tên riêng* của đối tượng. Ngược lại, biểu thức miêu tả để xưng hô chỉ nêu đặc điểm... có tính lâm thời, được sử dụng trong một hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, nhất định, ngoài hoàn cảnh giao tiếp ấy thì cái "tên gọi" lâm thời theo lối miêu tả đặc điểm của đối tượng để xưng hô không còn tồn tại. Vì thế, biểu thức miêu tả để xưng hô không thể có tư cách là tên riêng đích thực của đối tượng xưng hô. Ngoài ra, biểu thức miêu tả để xưng hô còn mang đậm tính đánh giá chủ quan. Đó là cách định danh lâm thời đối tượng xưng hô dưới con mắt của người nói.

Cũng trên phương diện nội dung ý nghĩa và cách thức biểu đạt, chúng tôi nhận thấy, hiện tượng sử dụng biểu thức miêu tả để xưng hô thường gắn với các phép cải dung, ẩn dụ, hoán dụ, chơi chữ, nói quá (phóng đại), nói giảm,... Thí dụ:

(31) *Nhưng gã Lang Đen chọt rùng mình. Gã hình dung ngay đến trận lôi đình của lão Đóm. Cổ lão sẽ rướn cao, hai mắt vằn đỏ, găm lên:*

- *Nghĩa là mày ăn cắp của tao, hà thằng bạ cư khổ rách?*

(Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

(35) *Huân chạy ra trước cáng, anh quàng đoạn dây máy bằng vải bạt qua vai, (...), hai bàn tay đồ tía bám chắc lấy đầu cáng và anh nhắc bổng người lên. Chiếc cáng nhẹ bỗng lao về phía trước, cặp chân ngắn của Đào loạng choạng như bị kéo đi. Chị kêu lên:*

- *Ông mãnh ơi, đi ngăn bước chứ!*

(Nguyễn Khải, *Mùa lạc*)

(36) *Sư tử Hà Đông của anh hôm nay hiền nhỉ. Cứ như thế này có phải đáng yêu không!*

(Hội thoại)

(37) *Bé O ơi, lăn nhanh lên!*

(Hội thoại)

Trong thí dụ (31), biểu thức miêu tả đề hô: *thằng bạ cư khổ rách* đã sử dụng hình ảnh hoán dụ: lấy *khố rách* để chỉ kẻ nghèo khó, hèn mọn. Tương tự như vậy, *ông mãnh (ông hổ)* trong thí dụ (35) là cách nói ẩn dụ chỉ người đàn ông có sức vóc mạnh mẽ; *sư tử Hà Đông* trong thí dụ (36) ám chỉ người phụ nữ hay ghen và đánh đá; còn *bé O* trong thí dụ (37) là cách chơi chữ, chỉ người có thân hình béo tròn (như chữ “O”, đồng thời *bé* ghép với *o* cũng tạo thành “*béo*”). Các phép tu từ khiến cho biểu thức miêu tả đề xưng hô càng trở nên ấn tượng, sắc nét, gợi hình, gợi cảm.

Do mang tính chất phản ánh hay mô tả đặc điểm nào đó ở đối tượng xưng hô nên biểu thức miêu tả này không chỉ có ý nghĩa thay thế (lâm thời) cho tên gọi vốn có, giúp chỉ xuất đối tượng xưng hô, mà nó còn “phác họa” hình ảnh của đối tượng xưng hô hoặc hô từ lăng kính cảm quan của người nói. Chính vì thế, đối tượng xưng hô như hiển hiện rõ nét, sống động, đồng thời sắc thái tình cảm của người nói đối với chính mình (khi xưng) hoặc đối với người đối thoại (khi hô) cũng được bộc lộ rõ rệt. Có thể thấy được điều này qua sự phân tích một trong số những thí dụ nêu trên:

(23) *Không thèm chào hỏi ai, tên Chột hách dịch:*

- *Lão thọt khom già có nhà hay không?*

(Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

Ở thí dụ (23), tên Chột đã gọi Đóm bằng biểu thức miêu tả: *lão thọt khom già*. Ngoài ý nghĩa hô gọi, biểu thức miêu tả này còn “phác họa” hình ảnh của Đóm (dưới con mắt của Chột) chỉ là một lão già tàn tật, xấu xí (*khom già, thọt*). Từ đó, bộc lộ rõ thái độ hách dịch, trịnh thượng, coi thường, khinh bỉ và sự đánh giá thấp của Chột (người nói) đối với Đóm (người nghe). Giả sử thay đổi cách xưng hô trong thí dụ trên như sau:

(23a) *Không thèm chào hỏi ai, tên Chột gọi:*

- *Ông (bác/ anh/ bạn/ thằng) Đóm có nhà hay không?*

(23b) *Không thèm chào hỏi ai, tên Chột gọi:*

- *Đóm có nhà hay không?*

Chúng ta dễ dàng nhận thấy, cách xưng hô bằng danh từ thân tộc (*ông, bác, anh*) hoặc danh từ chỉ quan hệ xã hội (*bạn, thằng*) kết hợp với tên riêng (*Đóm*) ở (23a), hay xưng hô bằng tên riêng (*Đóm*) ở (23b) chỉ là xưng hô đơn thuần, sắc thái tình cảm của người nói (Chột) với người nghe (Đóm) là trung tính hoặc dương tính/ âm tính ở mức độ thấp. Và hẳn nhiên, ý nghĩa miêu tả, đánh giá cũng không còn đậm nét như trường hợp (23) khi xưng hô bằng biểu thức miêu tả.

4. Tình huống giao tiếp sử dụng biểu thức miêu tả để xưng hô

Quan sát trên ngữ liệu thực tế, chúng tôi nhận thấy, cách xưng hô bằng biểu thức miêu tả chỉ xuất hiện trong tình huống giao tiếp mang tính phi quy thức (trong sinh hoạt hằng ngày) và hầu như không sử dụng trong những tình huống giao tiếp trang trọng, có tính quy thức (chẳng hạn: cuộc họp, hội nghị, hay trong các hoạt động đàm phán kinh tế, chính trị, ngoại giao...). Do biểu thức miêu tả để xưng hô, ngoài chức năng xưng hô, còn có chức năng miêu tả, đánh giá bản thân (khi xưng) hoặc đối tác giao tiếp (khi hô), đồng thời bộc lộ rất mạnh thái độ, tình cảm của người nói đối với bản thân và đối với đối tác giao tiếp. Cho nên, ở những tình huống giao tiếp có tính quy thức, nếu dùng biểu thức miêu tả để xưng hô thì sẽ không phù hợp.

Cách xưng hô bằng biểu thức miêu tả thường xuất hiện trong một số tình huống giao tiếp tiêu biểu sau:

1) Lời nói đùa vui, hài hước:

(38) *Cò hương ơi, muốn thoát họ nhà cò thì phải chịu khó mà nạp năng lượng vào.*

(Hội thoại)

2) Lời mắng chửi:

(39) *Á Bé cứ giật mình thon thót từ lúc sang ở nhà lão Đóm. Á luôn bị mắng bà vợ già của lão lườm nguýt. Các mẹ muốn bảo: "Con giặc cái kia, con lợn chông kia, tí tòn với chông các bà. Các bà thì cạo trọc đầu bôi vôi".*

(Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

3) Giao tiếp giữa những người hoàn toàn xa lạ:

Khi ấy, đặc điểm miêu tả đối tượng xưng hô thường là những chi tiết dễ nhận thấy nhất từ bên ngoài như: trang phục, tư thế, vị trí, giới tính, hành động... Thí dụ:

(40) *Cô áo đỏ ơi! Cô rơi chìa khóa kìa.*

(Hội thoại)

(41) *Hỡi anh đi đường cái quan,*

Dừng chân đứng lại em than vài lời.

(Ca dao)

(42) *Hỡi cô cắt cỏ bên sông,*

Có muốn ăn nhãn thì lòng sang đây.

(Ca dao)

Các nghiên cứu đi trước về xưng hô đã chỉ ra rằng, sự lựa chọn phương tiện ngôn ngữ để xưng hô bị chi phối bởi vai giao tiếp, mối quan hệ liên nhân

giữa những người tham gia giao tiếp, bối cảnh giao tiếp và mục đích giao tiếp cụ thể. Khi xem xét cách xưng hô bằng biểu thức miêu tả trong tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy, tương tự như các phương tiện xưng hô khác, biểu thức miêu tả xưng hô cũng phản ánh tư cách vai, mối quan hệ, thái độ tình cảm giữa các nhân vật tham gia cuộc giao tiếp. Chẳng hạn, xét thí dụ sau đây:

(43) A: *Mẹ ơi mẹ! Lớp con tổ chức đi tham quan Tam Đảo. Mẹ cho con đi cùng với lớp nhé.*

B: *Tham quan tham kiếc gì! Chúng bay chỉ đùa đòi ham chơi, chẳng lo mà học hành gì. Thi cử cuối cấp đến nơi rồi. Còn ối khoản cái thân còm này phải lo đây. Chưa thấy đủ nhọc sao?*

(Hội thoại)

Ở lượt lời của A, việc sử dụng cặp từ xưng hô: *con* (xưng) - *mẹ* (hô) đã phản ánh mối quan hệ thân tộc giữa hai nhân vật giao tiếp có vị thế không ngang bằng (dưới - trên) trong gia đình và thái độ tình cảm của người nói hết sức nhẹ nhàng, thân ái. Ở lượt lời của B, việc sử dụng các từ ngữ xưng hô: *cái thân còm này* (xưng); *chúng bay* (hô) thể hiện thái độ bức dọc, không hài lòng của người nói (mẹ) với người đối thoại (con).

Quan sát các tình huống sử dụng biểu thức miêu tả để xưng hô, có thể nhận thấy, ngoại trừ tình huống giao tiếp giữa những người hoàn toàn xa lạ thì hầu hết các trường hợp, khi sử dụng biểu thức miêu tả để xưng hô, người nói thường ở trong trạng thái tâm lý phấn khích (chẳng hạn: vui thích, tự hào...; hoặc tức giận, bất mãn...). Khi ấy, việc sử dụng biểu thức miêu tả để xưng hô thường gây sự chú ý và hiệu ứng tâm lý đặc biệt ở người nghe. Qua biểu thức miêu tả, đối tượng xưng hô hiện hiện với hình ảnh sắc nét, sinh động, đồng thời thái độ, tình cảm của người nói cũng được bộc lộ rõ rệt. Ngoài ra, việc sử dụng biểu thức miêu tả để xưng hô cũng tạo cho lời nói của cá nhân có màu sắc phong cách riêng.

Nói chung, việc lựa chọn phương tiện và cách thức xưng hô sao cho phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp cụ thể, diễn biến của cuộc thoại,... được coi là một chiến lược: chiến lược xưng hô. Do đó, sử dụng biểu thức miêu tả để xưng hô cũng là một chiến lược giao tiếp điển hình để người nói đạt được mục đích và hiệu quả giao tiếp như mong muốn.

5. Kết luận

Ngoài các cách xưng hô thông thường, trong tiếng Việt còn có một cách xưng hô đặc biệt: xưng hô bằng biểu thức miêu tả. Biểu thức miêu tả để xưng hô có thể có cấu tạo là từ hoặc cụm từ và chỉ có thể là danh từ/ cụm danh từ. Các trường hợp tưởng rằng dùng tính từ/ cụm tính từ hoặc động từ/ cụm động từ để định danh, chỉ xuất hiện đối tượng khi xưng hô, về bản chất, đã được chuyển loại sang danh từ/ cụm danh từ, nghĩa là đã được "danh hóa".

Về nội dung ý nghĩa, biểu thức miêu tả để xưng hô có đặc điểm nổi bật là phản ánh hay mô tả một đặc điểm nào đó ở đối tượng xưng hô hoặc hô, chẳng hạn:

dáng vẻ, trang phục bề ngoài; tuổi tác, giới tính; tính cách, tâm hồn bên trong; hoặc cử chỉ, hành động, vị trí, tư thế, số phận, cuộc đời, vị thế/ vai trò, giá trị... Do đó, ngoài chức năng định danh, chỉ xuất đối tượng xung hô, biểu thức miêu tả để xung hô còn “phác họa” hình ảnh của đối tượng xung hoặc hô từ cảm quan của người nói.

Biểu thức miêu tả để xung hô chỉ là cách định danh lâm thời, gắn với một tình huống giao tiếp cụ thể và thường là những tình huống giao tiếp mang tính phi quy thức, như: lời nói đùa vui, hài hước; lời mắng chửi; hoặc khi giao tiếp giữa những người hoàn toàn xa lạ. Xung hô bằng biểu thức miêu tả là một chiến lược giao tiếp để người nói bộc lộ sự nhìn nhận, đánh giá và thái độ của mình đối với bản thân khi xung và đối với đối tác giao tiếp khi hô, đồng thời để gây ấn tượng và thu hút sự chú ý của người nghe. Đây cũng là một nhân tố góp phần tích cực thúc đẩy diễn tiến của cuộc thoại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Minh Yên, *Từ xung hô trong gia đình đến xung hô ngoài xã hội của người Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học, 2001.
2. Lê Thị Thanh Mai, *Đặc điểm xung hô của người Hàn và người Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện KHXH, 2014.
3. Lê Thanh Kim, *Từ xung hô và cách xung hô trong các phương ngữ tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học, 2002.
4. Nguyễn Văn Chiến, *Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á*, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, 1992.
5. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb GD Việt Nam, H., 2012.
6. Phạm Ngọc Hàm, *Đặc điểm và cách sử dụng của lớp từ xung hô tiếng Hán (Trong sự so sánh với tiếng Việt)*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội, 2004.
7. Phạm Ngọc Thường, *So sánh đối chiếu từ xung hô tiếng Việt và tiếng Nùng*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG HN, 1998.
8. Phạm Văn Tình, *Xung hô dùng chức danh*, T/c Ngôn ngữ, Số 11, 1999.
9. Trương Thị Diễm, *Từ xung hô có nguồn gốc danh từ thân tộc trong giao tiếp tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, ĐH Vinh, 2002.
10. Viện Ngôn ngữ học (Hoàng Phê chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển bách khoa, H., 2010.